

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

Tên tiếng Anh: International Economics

- Mã số ngành đào tạo: 72310106

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Tiếng Anh: Bachelor in International Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc:

(1.2.1). Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

(1.2.2). Trang bị cho người học kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay;

(1.2.3) Trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên môn sâu về sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường

quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của các quốc gia.

(1.2.4) Trang bị các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận, ngoại ngữ để người học có thể hiểu, phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng; trang bị các nghiệp vụ cơ bản để thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại; rèn luyện các kỹ năng mềm để người học để tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc trong tương lai.

(1.2.5) Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

(1.2.6) Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

1.3. Thông tin tuyển sinh

1.3.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Điều 6 Quy chế tuyển sinh năm 2018 (kèm theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 1/3/2018) và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.

1.3.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3.3. Phương thức tuyển sinh:

- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2018:** Xét tuyển theo ngành, xét từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự nguyện vọng.

+ Học viện xét tuyển đối với từng ngành theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, sử dụng môn Toán làm tiêu chí phụ trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm xét tuyển.

+ Kết thúc xét tuyển đợt 1 nếu còn chỉ tiêu, Học viện xét tuyển tiếp đợt bổ sung theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Xét tuyển kết hợp:** xét theo hồ sơ dự tuyển, chỉ tiêu xét tuyển chiếm không quá 20% chỉ tiêu mỗi ngành và tổng chỉ tiêu toàn Học viện. Cụ thể các đối tượng như sau:

+ Thí sinh có 3 môn/bài thi THPTQG năm 2018, trong đó có bài thi môn Toán và 02 môn/bài thi trong tổ hợp xét tuyển của Học viện đạt 22,0 điểm trở lên.

+ Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 500 trở lên hoặc TOEFL iBT 61 trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2018 trừ bài thi Tiếng Anh đạt từ 14,0 điểm trở lên, trong đó có bài thi môn Toán.

1.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 140 sinh viên/khóa

1.3.5. Tổ hợp xét tuyển:

Ngành Kinh tế quốc tế xét tuyển theo 4 tổ hợp:

Toán, Vật Lý, Hóa học

Toán, Vật Lý, Tiếng Anh

Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh

Toán, Hóa học, Tiếng Anh

1.3.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Học viện xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển, nhóm ưu tiên, khu vực ưu tiên...thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí thu đào tạo theo hình thức tín chỉ thu theo quy định hiện hành của nhà nước đối với trường đại học công lập.

1.3.10. Các nội dung khác: không trái quy định hiện hành.

1.4. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

- Thí sinh phải làm thủ tục đăng kí nhập học theo quy định của Học viện.

- Khi nhập học, thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các qui định theo Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu:

6. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

7. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về di chuyển quốc tế về vốn, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư vào và ra ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

8. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế; có khả năng vận dụng các kiến thức marketing quốc tế vào giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế.

9. Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

10. Có kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

11. Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế.

12. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế.

13. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế đối ngoại để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế.

2.2. Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

14. Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc;

b. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 - Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế quốc tế: Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: phân tích thực trạng, đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại...;

Nhóm 2 - Cán bộ dự án: Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức quốc tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế đối ngoại;

Nhóm 3 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học, Kinh tế quốc tế; nghiên cứu, tư vấn về đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

Nhóm 4 - Nhân viên trong khu vực doanh nghiệp: Có khả năng làm việc tại bộ phận kinh doanh xuất nhập khẩu, đối ngoại, marketing... của các doanh nghiệp có giao dịch với các đối tác nước ngoài, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các khu công nghiệp...

2.5. Các nội dung đối sánh và tham chiếu:

CTĐT ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại năm 2018 được xây dựng trên cơ sở so sánh, tham khảo CTĐT của một số cơ sở giáo dục trong và ngoài nước:

- Chương trình tham khảo nước ngoài

Vancouver School of Economics, The University of British Columbia

<https://economics.ubc.ca/undergraduate/programs/bachelor-of-international-economics/program-details/>

Schiller International University

https://www.schiller.edu/wp-content/uploads/2017/05/Schiller-Insert_BA_Int_Economics_Jan-2017.pdf

- Chương trình tham khảo trong nước

Đại học Ngoại thương

<http://qlkh.ftu.edu.vn/tintuc/106-kinh-te-doi-ngoai.html>

Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

https://ktdn.uel.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/ktdn/Chuong%20trinh%20giao%20duc%20402_KTDN%202015.pdf

Đại học Kinh tế quốc dân

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-chinh-quy>

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng), trong đó:

1. Kiến thức Giáo dục đại cương:	45 tín chỉ (chiếm 33,83%)
2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:	32 tín chỉ (chiếm 24,06%)
3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:	04 tín chỉ (chiếm 3,01%)
4. Kiến thức ngành bắt buộc:	09 tín chỉ (chiếm 6,77%)
5. Kiến thức ngành lựa chọn:	04 tín chỉ (chiếm 3,01%)
6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:	27 tín chỉ (chiếm 20,30%)
7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:	06 tín chỉ (chiếm 4,51%)
8. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp:	06 tín chỉ (chiếm 4,51%)

Tổng số tín chỉ:

133 tín chỉ

3.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ	Lý thuyết	Thực hành	ĐK tiên quyết
1. Giáo dục đại cương			45				
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	1	19	11	-
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	2	20	10	TOCC01
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	31	14	THNL01, THPT02
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1	26	19	-
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	31	14	KHMI01
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2	32	13	TOCC01, TOĐC06
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	1	26	19	-
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	2	31	14	THNL01
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1	30	15	-
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4			
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1	23	22	-
12	THPT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	23	7	THNL01
13	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2			
14	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1	4	26	
15	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2	6	24	
16	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3			
17	NNCS10	Tiếng Anh tổng quát 1	3	1	19	26	
18	NNCS11	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2	19	26	NNCS10
19	NNCS12	Tiếng Anh tổng quát 3	3	3	21	24	NNCS11
20	NNCS13	Tiếng Anh tổng quát 4	3	4	23	22	NNCS12
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			32				
1	CSCS11	Chính sách công	3	5	30	15	KHMI01, KHMA02,

							TCTT23, LUĐC01
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4	3	27	-
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	4	30	15	-
4	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3	6	30	15	KHMA02, ĐNQT13
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3	26	19	KHMI01, KHMA02
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4	30	15	TOCC01, TOCC02, KHMI01, KHMA02, TOLT07, TOĐC06
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	2	22	23	KHMA02
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3	33	12	KHMI01, KHMA02
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3	30	15	KHMI01
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	5	33	12	TOLT07
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5	26	19	NNCS13
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			4				
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	6	30	15	QLMS03
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5	25	20	KHMI01, KHMA04, KHĐT05
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4	30	15	TCKT01, TCTT23
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3	30	15	KHMI01, TOCC02
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5	25	20	KHMA02, TCTT23
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5	30	15	KHMI01, QTHO18
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	2	26	19	LUĐC01
8	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4	30	15	KHMI01, KHMA02, TCKT01, TCTT23
9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6	25	20	KHĐT05, TCDN03
10	TCTH11	Thuế	3	7	30	15	TCKT01, TCTT23
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			9				
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	5	22	8	KHMI01, KHMA02
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5	20	25	TOKT05, KHMA04

3	ĐNQT13	Kinh tế quốc tế 1	2	5	20	10	KHMI01, KHMA02
4	ĐNQT14	Kinh tế quốc tế 2	2	6	20	10	ĐNQT13
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			4				
1	QTMCO2	Marketing căn bản	3	3	29	16	-
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4	30	15	KHMI01, KHMA02
3	QTHO06	Quản trị học	3	4	30	15	-
4	QTHO18	Quản trị học	2	3			
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			27				
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8	12	48	-
2	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3	7	30	15	ĐNNV03, ĐNQT15
3	CLCLV14	Logistics và vận tải quốc tế	3	7			
4	ĐNMA06	Marketing quốc tế	2	6	20	10	KHMI01, ĐNQT13
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6	30	15	ĐNQT13
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	7	35	10	LUĐC01, ĐNQT13
7	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	7	20	10	KHMI01, KHMA02, TCTT23, TONL08
8	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7	30	15	ĐNNV03
9	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2	7	20	10	ĐNQT14
10	ĐNTC05	Toàn cầu hóa và các rủi ro	2	7	20	10	ĐNQT13, ĐNQT14
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6				
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	6	24	21	ĐNQT13
2	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	3	30	15	KHMI01
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	5	30	15	KHMI01, QTMCO2, TOKT05
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6	30	15	QTHO18
5	ĐNTT16	Thư tín thương mại	2	7	20	10	NNCS13
6	QTKD14	Thương mại điện tử	3	6	30	15	QTHO18, QTMCO2
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn TN)			6				

1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8	30	60	-
TỔNG		(Không bao gồm GDTC & GDQP)	133				

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

3.3.1. Toán cao cấp 1

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n-chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô.

3.3.2. Toán cao cấp 2

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản.

3.3.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

3.3.4. Kinh tế vi mô 1

Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ chế của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...

3.3.5. Kinh tế vĩ mô 1

Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về

các chính sách kinh tế vĩ mô.

3.3.6. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính.

3.3.7. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1

Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.

3.3.8. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2

Học phần Nguyên lý 2 trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.3.9. Pháp luật đại cương

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự...

3.3.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần “*Phương pháp nghiên cứu khoa học*” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên

cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

3.3.11. Tiếng Anh tổng quát 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ “to be”, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.

3.3.12. Tiếng Anh tổng quát 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

3.3.13. Tiếng Anh tổng quát 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

3.3.14. Tiếng Anh tổng quát 4

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

3.3.15. Tin học đại cương

Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...

3.3.16. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

3.3.17. Chính sách công

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

3.3.18. Chuyên đề thực tế

Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh tế - xã hội, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.

3.3.19. Đấu thầu mua sắm 1

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về đấu thầu nói chung, quy trình tham gia dự thầu và những kinh nghiệm nâng cao khả năng thắng thầu. Những quy trình về tổ chức đấu thầu trong nền kinh tế thị trường.

3.3.20. Địa lý kinh tế

Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành.

3.3.21. Kinh tế lượng

Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy.

3.3.22. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành. Qua đó, giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

3.3.23. Marketing căn bản

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

3.3.24. Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương

pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

3.3.25. Nguyên lý thống kê kinh tế

Học phần được xây dựng trên nền tảng ứng dụng khoa học thống kê trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong việc thu thập và xử lý dữ liệu thống kê nhằm đưa ra các nhận định về bản chất của các hiện tượng kinh tế xã hội trong các điều kiện không gian và thời gian cụ thể, phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý kinh tế xã hội. Với mục tiêu cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội, học phần phục vụ hữu hiệu cho sinh viên trong học tập và nghiên cứu các chuyên ngành thuộc khối kinh tế - xã hội; mặt khác cũng rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn.

3.3.26. Pháp luật kinh tế

Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

3.3.27. Quản trị học

Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.

3.3.28. Quản trị chuỗi cung ứng

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nội dung cụ thể được đề cập đến bao gồm: khái niệm chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng toàn cầu và logistics, chiến lược hoạch định và vận hành chuỗi cung ứng, cách thức xây dựng hệ thống logistics, chiến lược thu mua, chiến lược sản xuất và chiến lược đáp ứng nhu cầu khách hàng trong chuỗi cung ứng, hệ thống vận tải và quản trị hệ thống vận tải, hệ thống thông tin logistics và hệ thống hỗ trợ quyết định... Cùng với đó, sinh viên sẽ được thảo luận các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay.

3.3.29. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư có ý nghĩa quan trọng trong các lĩnh vực của xã hội với mục đích tăng cường các nguồn lực để thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của Nhà nước trong quá trình cải cách khu vực công. Do đó, học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức hợp tác công tư, lựa chọn Nhà đầu tư ... Sinh viên sẽ hiểu được cách thực hiện các dự án theo hình thức hợp tác công tư và các quy trình lựa chọn Nhà đầu tư. Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành giúp sinh viên nắm bắt được kiến thức một cách hiệu quả hơn, thực tế hơn.

3.3.30. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu

Học phần được sắp xếp theo trình tự tiến hành một thương vụ kinh doanh XNK thông thường, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được giới thiệu thêm về các kiến thức liên quan đến bộ tập quán thương mại quốc tế (Incoterms) quy định về trách nhiệm và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa bên mua và bên bán trong hoạt động xuất nhập khẩu, các kỹ thuật và những lưu ý liên quan đến đàm phán ký kết hợp đồng, các thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao dịch, kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu.

3.3.31. Kinh tế vi mô 2

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao trong nền kinh tế thị trường, các hành vi và phản ứng của các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong thị trường đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh chiến lược của mình để tối ưu hóa. Trong đó có hai vấn đề quan trọng là sự lựa chọn trong điều kiện rủi ro và cân bằng tổng thể.

3.3.32. Thẩm định dự án đầu tư

Học phần Thẩm định Dự án Đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu

tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

3.3.33. Kế toán tài chính

Học phần Kế toán tài chính (Kế toán doanh nghiệp) là môn học cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức trong môn học này sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính(Nhân viên kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính...).

3.3.34. Kinh doanh quốc tế

Học phần giới thiệu về môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu và rộng như hiện nay. Các kiến thức cơ bản mà nhà quản trị lĩnh vực kinh doanh quốc tế cần nắm được bao gồm các xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia, môi trường đầu tư quốc tế, các chính sách của các chính phủ điều tiết các hoạt động kinh doanh quốc tế, cạnh tranh toàn cầu.

3.3.35. Kinh tế đầu tư

Môn học Kinh tế đầu tư là môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nghiên cứu các vấn đề kinh tế trong hoạt động đầu tư phát triển. Môn học cung cấp những kiến thức về kinh tế đầu tư một cách cơ bản như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.

3.3.36. Kinh tế phát triển

Học phần có nhiệm vụ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

3.3.37. Kinh tế quốc tế 1

Học phần cung cấp khái niệm cơ bản về nền kinh tế thế giới, cơ sở hình thành, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học những kiến thức về di chuyển vốn quốc tế và di chuyển lao động quốc tế, chuyển giao công nghệ quốc tế. Học phần cung cấp kiến thức về đặc điểm phát triển của các nhóm nước trong nền kinh tế thế giới.

3.3.38. Kinh tế quốc tế 2

Học phần Kinh tế quốc tế 2 giới thiệu các nội dung kiến thức sâu hơn về quan hệ thương mại quốc tế, các quan hệ tài chính quốc tế, thị trường ngoại hối, tỷ giá và các chế độ tỷ giá, hội nhập và liên kết kinh tế quốc tế. Học phần cung cấp cách nhìn và phân tích về các quan hệ kinh tế gắn với chủ thể là các quốc gia.

3.3.39. Kinh tế vĩ mô 2

Học phần Kinh tế vĩ mô 2 được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của học viên đối với quá trình xây dựng, thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển, và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này.

3.3.40. Quản lý tài chính công

Học phần Quản lý tài chính công trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản lý tài chính công, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách nhà nước, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp, quản lý nợ công. Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được tính hình quản tài chính công của thế giới cũng như tại Việt Nam. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc quản lý tài chính công ngay sau khi ra trường, giúp cho công việc quản lý tài chính công đạt hiệu quả nhất.

3.3.41. Thanh toán quốc tế

Học phần giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về hoạt động Thanh toán quốc tế, Ngoại hối và Tài trợ thương mại trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Học phần được giảng dạy với sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng xuất nhập khẩu, Bộ chứng từ TTQT, các tình huống, giao dịch TTQT thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (Cán bộ Ngân hàng, Cán bộ Công ty xuất nhập khẩu,...) để thực hành thảo luận, phân tích, đánh giá rủi ro các giao dịch TTQT,...

3.3.42. Thuế

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thuế và các chính sách thuế hiện hành; Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được hệ thống chính sách thuế

của Việt Nam và các nước trên thế giới. Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc liên quan đến thuế sau khi ra trường. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.

3.3.43. Thương mại quốc tế

Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần đi sâu giới thiệu về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.

3.3.44. Nghiên cứu thị trường

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về quy trình nghiên cứu thị trường, các dạng nghiên cứu thị trường cụ thể, các phương pháp nghiên cứu thị trường, dữ liệu cần thu thập trong nghiên cứu thị trường. Đồng thời giúp sinh viên kỹ năng: Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, sử dụng thành thạo phần mềm SPSS, Excel trong phân tích mô tả dữ liệu thị trường. Qua đó, sinh viên có thái độ tích cực nghiên cứu, tìm tòi không ngừng, chủ động và có trách nhiệm với công việc.

3.3.45. Thực tập tốt nghiệp

Sau khi được trang bị những kiến thức chuyên ngành, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp về quá trình đi thực tập tại một cơ quan, doanh nghiệp cụ thể có hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành đào tạo Kinh tế đối ngoại.

3.3.46. Quản trị chiến lược

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

3.3.47. Tài chính doanh nghiệp

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp

3.3.48. Thương mại điện tử

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử. Qua đó, sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hình thành ý tưởng và thiết kế các hệ thống thương mại điện tử.

3.3.49. Đầu tư quốc tế

Môn học nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế (môi trường đầu tư ở nước đi đầu tư, nước nhận đầu tư và môi trường đầu tư quốc tế), các chính sách thu hút và thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài, đánh giá hiệu quả thu hút FDI, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế. Trên cơ sở các phân tích lý thuyết môn học sẽ cung cấp những kiến thức thực tiễn về đầu tư quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam, tiếp cận các giải pháp đối với đầu tư quốc tế.

3.3.50. Đàm phán kinh tế quốc tế

Môn học trình bày vị trí của đàm phán, các hình thức đàm phán khác nhau, các bước chuẩn bị và tổ chức một cuộc đàm phán (hai bên hay nhiều bên), và các thủ pháp vận dụng khi đàm phán... đồng thời giới thiệu các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu các thủ pháp thường được áp dụng khi đàm phán, phân biệt các phương pháp đàm phán; các yếu tố tác động đến kết quả đàm phán; tố chất người đàm phán.

3.3.51. Tài chính quốc tế

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo cả hai hướng tiếp cận tài chính quốc tế vĩ mô (nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tiền tệ và chính sách

kinh tế vĩ mô giữa các quốc gia) và tài chính quốc tế vĩ mô (nghiên cứu những ảnh hưởng của tài chính quốc tế đến hoạt động kinh doanh của các công ty, cá nhân). Nội dung môn học bao gồm hệ thống tiền tệ quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, quan hệ giá cả, tỷ giá và lãi suất, bảo hiểm rủi ro tỷ giá.

3.3.52. Marketing quốc tế

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về marketing quốc tế. Các chủ đề chính được đề cập trong nội dung giảng dạy của học phần bao gồm: tác động của các nhân tố vĩ mô như kinh tế, chính trị, pháp lý, xã hội, văn hóa... và các nhân tố vi mô đối với hoạt động marketing của doanh nghiệp ở thị trường nước ngoài; hoạt động nghiên cứu marketing, các chiến lược marketing mix hướng đến khách hàng quốc tế. Trên cơ sở lý thuyết, sinh viên có các bài tập thực hành nghiên cứu thị trường, lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường thế giới, xây dựng các chiến lược marketing mix và tổ chức bộ máy để triển khai các hoạt động marketing quốc tế cho doanh nghiệp tại thị trường nước ngoài.

3.3.53. Toàn cầu hóa và các rủi ro

Học phần mô tả các vấn đề cơ bản về toàn cầu trong đó tập trung vào đối tượng nghiên cứu của môn học là quá trình toàn cầu hóa của các mối quan hệ kinh tế quốc tế, biểu hiện của nó và các rủi ro liên qua tới các quan hệ kinh tế quốc tế này cũng như ảnh hưởng của các rủi ro này đến hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia, các gợi ý chính sách để phòng tránh các rủi ro.

3.3.54. Pháp luật kinh tế quốc tế

Học phần đề cập tới các vấn đề lý luận về thương mại quốc tế; pháp luật WTO về thương mại quốc tế; pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Bên cạnh hệ thống luật của Việt Nam đang điều chỉnh các quan hệ này, học phần còn cung cấp kiến thức về hệ thống luật pháp quốc tế và các vấn đề pháp lý liên quan tới các lĩnh vực này.

3.3.55. Thư tín thương mại

Học phần *Thư tín thương mại* cung cấp những kiến thức cơ bản và mở rộng cho sinh viên về cách soạn thảo thư tín thương mại bằng tiếng Anh. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên yêu cầu cơ bản về hình thức của một bức thư tín được sử dụng trong kinh doanh và thương mại, cách thức trình bày văn bản, cách sử dụng văn phong khi soạn thảo thư tín thương mại trong tiếng Anh. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu cho sinh viên các loại thư tín phổ biến trong giao dịch thương mại và cung cấp cho sinh viên một số thư mẫu. Đồng thời trong quá trình học sinh viên sẽ có cơ hội luyện tập soạn thảo các loại thư tín khác nhau.

3.3.56. Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô

Học phần Phân tích và dự báo Kinh tế vĩ mô là môn học hướng dẫn ứng dụng các kiến thức đã học trong các môn toán, xác suất thống kê, kinh tế lượng, kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vĩ mô, kinh tế phát triển, lý thuyết tài chính tiền tệ và các môn học khác của chương trình học ngành kinh tế để tiến hành phân tích và dự báo thực nghiệm về nền kinh tế.

3.3.57. Đầu tư công

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công; kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.

3.3.58. Logistics và Vận tải quốc tế

Học phần Logistics và Vận tải quốc tế nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong kinh doanh. Đồng thời, học phần cũng đi sâu vào nghiên cứu các phương thức chuyên chở hàng hóa phổ biến giữa các quốc gia như vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt,...

3.3.59. Tiếng Anh trong kinh doanh

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Một số chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh; Những khái niệm cơ bản cũng như những thuật ngữ đặc trưng cho lĩnh vực kinh doanh; Các cấu trúc, các cụm từ thông dụng và mẫu tham khảo để viết CV và Cover Letter. Nội dung chương trình được thiết kế hiệu quả và phù hợp khách quan với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo sau khi ra trường sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được cung cấp vào thực tế công việc.

3.3.60. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tiễn, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở Khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp là một nghiên cứu thực tiễn độc lập, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo.

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

Để hỗ trợ người học trong quá trình học tập, Học viện phân công các giảng viên khoa chuyên ngành phụ trách công tác cố vấn học tập.

Đối với các sinh viên năm nhất, cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, về Học viện, về Khoa và các phòng ban chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo.

Trong quá trình học, cố vấn học tập các lớp có lịch trực tại khoa để giải đáp và hỗ trợ sinh viên, tiến hành tổ chức gặp gỡ các lớp sinh viên để hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa của chuyên ngành Kinh tế đối ngoại như sau:

TT	Họ và tên	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Bùi Thúy Vân	TS	Kinh tế quốc tế	TK
2	Trịnh Tùng	TS	Kinh tế	PTK
3	Đào Hồng Quyên	TS	Kinh tế quốc tế	GV
4	Bùi Quý Thuấn	ThS	Kinh tế phát triển	GV
5	Phạm Huyền Trang	ThS	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	GV
6	Phạm Thị Quỳnh Liên	ThS	Kinh tế đối ngoại	GV
7	Đặng Thị Kim Dung	ThS	Thương mại quốc tế	GV
8	Phan Thị Thanh Huyền	ThS	Kinh tế quốc tế	GV

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên khoa Kinh tế đối ngoại còn tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của Đoàn Thanh niên, các câu lạc bộ như Câu lạc bộ tiếng Anh AEC, Câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, Câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Kinh tế đối ngoại và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình APD English Contest thường niên, chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình Vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế,... phát triển kỹ năng đàm phán, thuyết trình, phản biện... cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh như Học bổng tiếng Anh của Havina.

Đồng thời, Khoa Kinh tế đối ngoại còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến kinh tế vĩ mô, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, sở hữu trí tuệ.... Khoa đã tiến hành cho sinh viên đi thực tế tại một số đơn vị có liên quan đến chuyên ngành đào tạo Kinh tế đối ngoại giúp sinh viên có được hình dung về vị trí làm việc trong tương lai như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, Cảng Hải Phòng, Samsung Thái Nguyên...

3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và tạo niềm đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Khoa Kinh tế đối ngoại định kỳ tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Đầu năm học, sinh viên đề xuất các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, thành viên nhóm nghiên cứu và giáo viên hướng dẫn. Trên cơ sở đề xuất này, Khoa sẽ phân công giáo viên hướng dẫn khoa học cho các nhóm nghiên cứu để triển khai, tổ chức tọa đàm và hội nghị nghiên cứu khoa học để các nhóm nghiên cứu của sinh viên báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước Hội đồng và các sinh viên tham dự Hội nghị. Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng, công khai nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình nghiên cứu.

Với lòng say mê nghiên cứu khoa và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa Kinh tế đối ngoại đã đạt được các giải cao trong các Hội nghị Nghiên cứu khoa học cấp Học viện như giải nhất năm 2015-2016, giải nhì năm 2016-2017.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
(2.1)	x	x	x		x															
(2.2)					x						x	x	x							
(2.3)						x	x	x	x	x										
(2.4)				x										x	x	x	x	x		
(2.5)											x	x	x							
(2.6)																			x	x

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Chuẩn đầu ra																			
			(tín chỉ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP)			45																				
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2			x												x		x		x	
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2			x												x		x		x	
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	x																	x		
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			x	x	x										x					x
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			x	x	x										x					x
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			x														x			x
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	x																	x		
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	x																	x		
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		x												x	x	x			x	
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	x		x											x	x	x			x	x
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3			x											x	x	x		x		x
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x																		x	
13	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3														x	x		x			
14	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3														x	x		x			
15	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3														x	x		x			
16	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3														x	x		x			

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Chuẩn đầu ra																			
			(tín chỉ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8																			x	
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2																			x	
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2																			x	
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2																			x	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			88																				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36																				
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			32																				
1	CSCS11	Chính sách công	3		x		x												x			x	x
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2		x		x											x	x				x
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3		x		x		x								x						x
4	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3		x		x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x			x	x
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3					x			x					x			x				x
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3			x												x					x
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3			x	x	x											x				x
8	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					x											x				x
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3			x											x	x				x	
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			x		x										x			x		x
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3						x		x						x	x		x			x
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			4																				
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3		x					x			x					x	x			x	
2	KHCO09	Đầu tư công	3		x					x			x					x	x			x	

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Chuẩn đầu ra																			
			(tín chỉ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3			x											x					x	
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3			x	x	x										x					x
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3		x	x											x	x				x	
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3			x	x							x	x		x	x				x	x
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		x								x				x	x				x	
8	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3			x											x	x					x
9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3		x												x	x				x	
10	TCTH11	Thuế	3		x		x		x	x							x						x
2.2. Kiến thức ngành			13																				
2.2.1. Ngành bắt buộc			9																				
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2					x									x	x				x	x
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3					x									x	x		x		x	x
3	ĐNQT13	Kinh tế quốc tế 1	2				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x
4	ĐNQT14	Kinh tế quốc tế 2	2				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x				x	x
2.2.2. Ngành tự chọn			4																				
1	QTMCO2	Marketing căn bản	3					x			x						x	x	x				x
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		x		x			x							x					x	
3	QTHO06	Quản trị học	3	x		x	x										x	x				x	x
4	QTHO18	Quản trị học	2	x		x	x										x	x				x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			33																				
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			27																				

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Chuẩn đầu ra																			
			(tín chỉ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4														x	x	x	x	x	x	x
2	ĐNDP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3			x										x	x	x	x			x	x
3	CLCLV14	Logistics và vận tải quốc tế	3		x			x	x		x		x				x	x	x			x	x
4	ĐNMA06	Marketing quốc tế	2					x	x		x						x	x	x				x
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3		x				x		x		x				x	x	x			x	x
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3		x			x	x	x			x			x	x	x	x			x	x
7	TCQT13	Tài chính quốc tế	2					x				x		x	x	x	x	x	x				x
8	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3		x			x				x					x	x	x			x	x
9	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2					x	x		x			x	x	x	x	x	x				x
10	ĐNTC05	Toàn cầu hóa và các rủi ro	2					x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x				x
2.3.2.Chuyên ngành tự chọn			6																				
1	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	3					x	x	x	x						x	x	x				x
2	QHMT08	Kinh tế môi trường	3					x						x	x	x		x	x			x	x
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3					x	x		x							x	x				x
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3					x	x	x	x						x	x	x				x
5	ĐNTT16	Thư tín thương mại	2					x	x											x	x		x
6	QTKD14	Thương mại điện tử	3					x	x		x						x	x	x				x
2.4. Lựa chọn tốt nghiệp			6																				
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x		x
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng)			133																				

4.3. Ma trận phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																				
	KIẾN THỨC													KỸ NĂNG						THÁI ĐỘ	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU								KN NGHỀ NGHIỆP		KN MỀM					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x	
2. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
4. Mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề						x	x	x	x	x	x	x	x			x			x	x	
5. Đi thực tế		x				x	x	x		x				x	x	x	x	x	x	x	
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x	x		x	
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	
8. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	
9. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
10. Thực hiện mô phỏng						x	x	x	x	x	x								x	x	

4.4. Ma trận phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CHUẨN ĐẦU RA																			
	KIẾN THỨC													KỸ NĂNG					THÁI ĐỘ	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU								KN NGHỀ NGHIỆP		KN MỀM				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Điểm danh (mức độ chuyên cần)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x
2. Thống kê số lần phát biểu (mức độ tích cực)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x				x
3. Kiểm tra nhanh (mức độ hiểu bài)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x		x
4. Tiểu luận/Bài tập lớn/ Bài tập nhóm (mức độ hiểu bài, khả năng tư duy logic, tổng hợp, khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Thuyết trình (kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng nghe, đặt câu hỏi, phản biện vấn đề)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
6. Mô phỏng, đóng vai (mức độ hiểu bài, hiểu biết chung về các vấn đề xã hội, các						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x

kỹ năng mềm, khả năng làm việc nhóm, tinh thần, thái độ)																				
7. Thi kết thúc học phần (mức độ hiểu bài, khả năng trình bày, sử dụng các công cụ để phân tích, tổng hợp, đánh giá, hiểu biết vấn đề kinh tế - xã hội)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1 Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

5.1.2 Cách thức thực hiện

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức cơ sở ngành được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học.

Các học phần thuộc kiến thức ngành; Kiến thức chuyên ngành và Thực tập và khóa luận tốt nghiệp được tập trung vào kỳ 6 và kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học.

Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế, viết khóa luận tốt nghiệp nếu đủ điều kiện theo quy định. Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 133 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo tại Học viện (6 năm).
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Được cấp chứng chỉ kỹ năng mềm theo quy định;
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:

- + Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học (không tính môn học tự chọn tự do) mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ
- + Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học
- + Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

+ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

+ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

+ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

- Cách tính điểm học phần

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

+ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

+ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

ai: là điểm của học phần thứ i

ni: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần

- Áp dụng quan điểm lấy người học làm trung tâm, chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế...

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống hoặc phân vai giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện. Một số học phần chuyên ngành có tiến hành mời các chuyên gia có kinh nghiệm tới để chia sẻ kiến thức thực tế hoặc tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành đào tạo, giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với thực tế và nắm vững hơn các kiến thức chuyên ngành đã được trang bị.

- Một số học phần đã áp dụng ngân hàng đề thi để đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá chất lượng dạy học.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	☐ Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lý công việc và thời gian cá nhân hiệu quả. ☐ Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh ☐ Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	Phương pháp giảng dạy: ☐ Thuyết trình ☐ Thảo luận nhóm ☐ Đặt-giải quyết vấn đề Phương pháp học tập: ☐ Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp ☐ Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giảng viên, tranh luận với bạn. ☐ Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. Điều kiện dạy và học: ☐ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học ☐ Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học; ☐ Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.

				☐ Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... ☐ Đặc biệt Học viện là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do vậy, được thừa hưởng khối lượng sách và tài liệu tham khảo trong và ngoài nước tại các đơn vị trong Bộ như Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Kinh tế đối ngoại, Viện Chiến lược phát triển, Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế trung ương, Ban Kinh tế thế giới - Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia.
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành, cơ sở ngành	☐ Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. ☐ Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông	☐ Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức. ☐ Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế. ☐ Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc	Phương pháp giảng dạy: ☐ Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; ☐ Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. ☐ Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai.... ☐ Tham gia guest speaker Phương pháp học tập: ☐ Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp ☐ Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. ☐ Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan

				đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. Điều kiện dạy và học: ☐ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học ☐ Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ☐ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. ☐ Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện về điểm trung bình chung học tập, trình độ ngoại ngữ, thời gian học tập tại Học viện.
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức theo ngành	☐ Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình tài chính, thị trường; tham gia đề xuất, và triển khai thực hiện kế hoạch, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực	☐ Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh; ☐ Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều,	Phương pháp giảng dạy: ☐ Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; ☐ Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. ☐ Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai... ☐ Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận,

		kinh tế, phát triển, doanh nghiệp, đầu tư. ☐ Vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để giải thích được các nguyên tắc kinh tế, phân tích kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô cơ bản và các khái niệm liên quan đến nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế. ☐ Vận dụng kiến thức của kinh tế vi mô và vĩ mô, kiến thức tài chính, kiến thức phát triển kinh tế xã hội trong việc ra quyết định ngắn và dài hạn - theo từng trường hợp cụ thể. ☐ Có nghiệp vụ cơ bản trong tiến hành kinh doanh xuất nhập khẩu. ☐ Có kỹ năng cơ bản	quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp; ☐ Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động; Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh ☐ Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;	phương pháp học tập theo dự án... ☐ Tham quan thực tế/thực tập tại doanh nghiệp Phương pháp học tập: ☐ Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp ☐ Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. ☐ Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế đối ngoại, liên hệ thực tế, thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. ☐ Tổ chức thực tập thực tế ☐ Đặc biệt Học viện là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do vậy, được thừa hưởng khối lượng sách và tài liệu tham khảo trong và ngoài nước tại các đơn vị trong Bộ như Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Kinh tế đối ngoại, Viện Chiến lược phát triển, Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế trung ương, Ban Kinh tế thế giới - Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia. Điều kiện dạy và học: ☐ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo
--	--	--	---	---

		về tìm kiếm thông tin, hoạch định, phân tích và phản biện chính sách liên quan đến kinh tế quốc tế. ☐ Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.		trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học. ☐ Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ☐ Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý có liên quan tới hoạt động kinh tế đối ngoại cho sinh viên. ☐ Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.
--	--	---	--	---